BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM - TỪ VỰNG TỔNG HỢP (PART 2)

197	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "tiến hành"?	A. Carry out B. Foreign C. Encourage D. Không phải các từ trên
198	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Encourage" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. khuyến khích C. tiến hành D. Ý nghĩa khác
199	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "pha trộn"?	A. Mixture B. Encourage C. Difference D. Không phải các từ trên
200	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Difference" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. khác biệt C. pha trộn D. Ý nghĩa khác
201	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "đa dạng"?	A. Diversity B. Difference C. Protect D. Không phải các từ trên
202	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Protect" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bảo vệ C. đa dạng D. Ý nghĩa khác
203	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "tạo"?	A. Create B. Protect C. Virtual reality D. Không phải các từ trên
204	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Virtual reality" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. thực tế ảo C. tạo D. Ý nghĩa khác
205	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "thực ra"?	A. Actually B. Virtual reality C. Expand D. Không phải các từ trên
206	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Expand" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. phát triển/mở rộng C. thực ra D. Ý nghĩa khác
207	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "nguồn gốc/ban đầu"?	A. Originally B. Expand C. Exam D. Không phải các từ trên
208	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Exam" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. kỳ thi C. nguồn gốc/ban đầu D. Ý nghĩa khác
209	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "trí óc"?	A. Mind B. Exam

LIVEWORKSHEETS

		C. Blank D. Không phải các từ trên
210	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Blank" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. trống C. trí óc D. Ý nghĩa khác
211	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "thử thách thật sự"?	A. Real challenge B. Blank C. Fake D. Không phải các từ trên
212	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Fake" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. giả C. thử thách thật sự D. Ý nghĩa khác
213	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "nhớ"?	A. Remember B. Fake C. Anything D. Không phải các từ trên
214	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Anything" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bất kỳ thứ gì C. nhớ D. Ý nghĩa khác
215	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "quản lý / xoay xở"?	A. Manage B. Anything C. Finish D. Không phải các từ trên
216	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Finish" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. hoàn thành C. quản lý / xoay xở D. Ý nghĩa khác
217	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "thực sự"?	A. Really B. Finish C. Wear D. Không phải các từ trên
218	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Wear" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. mặc C. thực sự D. Ý nghĩa khác
219	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "quyết định"?	A. Decided B. Wear C. Enter D. Không phải các từ trên
220	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Enter" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bước vào C. quyết định D. Ý nghĩa khác
221	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "cuộc thi"?	A. Competition B. Enter C. Activity D. Không phải các từ trên
222	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Activity" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. hoạt động C. cuộc thi

LIVEWORKSHEETS

		D. Ý nghĩa khác
223	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "kế hoạch"?	A. Plan B. Activity C. Natural materials D. Không phải các từ trên
224	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Natural materials" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. chất liệu tự nhiên C. kế hoạch D. Ý nghĩa khác
225	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "hứa"?	A. Promised B. Natural materials C. Ethnic minority people D. Không phải các từ trên
226	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Ethnic minority people" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. dân tộc thiểu số C. hứa D. Ý nghĩa khác
227	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "nghiên cứu"?	A. Researching B. Ethnic minority people C. Negative D. Không phải các từ trên
228	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Negative" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. tiêu cực C. nghiên cứu D. Ý nghĩa khác
229	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "tận tâm/quyết tâm"?	A. Determined B. Negative C. Vet D. Không phải các từ trên
230	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Vet" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bác sĩ thú y C. tận tâm/quyết tâm D. Ý nghĩa khác
231	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "theo đuổi"?	A. Pursue B. Vet C. Democratic D. Không phải các từ trên
232	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Democratic" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. dân chủ C. theo đuổi D. Ý nghĩa khác
233	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "hướng về gia đình"?	A. Family-oriented B. Democratic C. Kind D. Không phải các từ trên
234	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Kind" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. tử tế, tốt bụng C. hướng về gia đình D. Ý nghĩa khác
235	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "quan hệ gia đình"?	A. Family relation B. Kind C. Family values D. Không phải các từ trên

LIVEWORKSHEETS

236	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Family values" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. giá trị gia đình C. quan hệ gia đình D. Ý nghĩa khác
237	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "trải nghiệm"?	A. Experience B. Family values C. Changes D. Không phải các từ trên
238	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Changes" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. thay đổi C. trải nghiệm D. Ý nghĩa khác
239	Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "gia đình nhiều thế hệ"?	A. Extended family B. Changes C. Alive D. Không phải các từ trên
240	Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Alive" là gì?	A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. sống C. gia đình nhiều thế hệ D. Ý nghĩa khác

LIVEWORKSHEETS